

## **BIẾN ĐỔI TRONG HOẠT ĐỘNG TRỒNG TRỌT CỦA NGƯỜI CƠ TU TÁI ĐỊNH CƯ Ở THỦY ĐIỆN SÔNG BUNG 4, TỈNH QUẢNG NAM**

**Đặng Minh Ngọc**

**Viện Dân tộc học**

**Email: [dmngoc@gmail.com](mailto:dmngoc@gmail.com)**

**Tóm tắt:** Xây dựng thủy điện Sông Bung 4 là một trong những sáng kiến về cơ sở hạ tầng, giúp Việt Nam hoàn thành một trong các mục tiêu của chiến lược quốc gia về “Tăng trưởng và giảm nghèo toàn diện”. Đóng góp cho sự tăng trưởng kinh tế trong công cuộc phát triển đất nước là không thể phủ nhận, tuy nhiên việc xây dựng công trình thủy điện luôn đi kèm với những tác động về di dân, tái định cư, xã hội, văn hóa truyền thống và môi trường. Trong đó, công trình thủy điện Sông Bung 4 đã có những ảnh hưởng không nhỏ đến nơi ở, sinh kế và hoạt động trồng trọt của người Cơ-tu ở các thôn tái định cư thuộc xã Zuoih và xã Tà Pơ thuộc huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Khi rời khỏi nơi ở cũ đến nơi tái định cư, bên cạnh những thuận lợi mới, họ phải đối mặt với nhiều khó khăn do sự thay đổi về môi trường sống, đặc biệt là vấn đề thiếu đất canh tác. Bài viết này làm rõ sự biến đổi trong hoạt động trồng trọt của người Cơ-tu tại các thôn tái định cư của thủy điện Sông Bung 4, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự biến đổi này.

**Từ khóa:** Trồng trọt, dân tộc Cơ-tu, thủy điện Sông Bung 4, tỉnh Quảng Nam.

**Abstract:** The construction of Song Bung 4 hydropower plant was one of the infrastructure initiatives which helped Vietnam achieved one of the objectives of the national strategy on "Inclusive growth and poverty reduction". Its contribution to economic growth is undeniable, but the construction of hydropower plants is always accompanied by impacts on migration, resettlement, society, traditional culture and environment. In particular, the Song Bung 4 hydropower project had a significant impact on the residence, livelihood and cultivation activities of Co-tu people in the resettlement villages of Zuoih and Ta Po communes in Nam Giang district, Quang Nam Province. Besides the advantages gained when they relocated to the new places, the Co-tu had to face many difficulties due to the changes in living environment, especially the lack of arable land. This article clarifies the changes in farming activities of the Co-tu in the resettled villages of Song Bung 4 hydropower plant, and points out the main reasons for these changes.

**Keywords:** Cultivation, Co-tu people, Song Bung 4 hydropower plant.

Ngày nhận bài: 24/8/2021; ngày gửi phản biện: 5/9/2021; ngày duyệt đăng: 10/10/2021

## Mở đầu

Thủy điện Sông Bung 4 là một trong những công trình trọng điểm của Nhà nước, hàng năm phát điện lên hệ thống lưới điện quốc gia với sản lượng trung bình 586,25 triệu KWH. Công trình có nhiều ý nghĩa như bảo đảm an ninh năng lượng, cung cấp nước trong mùa hạn ở khu vực miền Trung, đáp ứng nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp và góp phần chống lũ trong điều kiện biến đổi khí hậu, góp phần đưa đất nước phát triển toàn diện. Đồng thời với những đóng góp tích cực, việc xây dựng thủy điện Sông Bung 4 cũng để lại những ảnh hưởng về di dân, tái định cư, xã hội, văn hóa và môi trường, đặc biệt là tác động đến nơi ở, sinh kế và hoạt động trồng trọt của người Cơ-tu ở các thôn tái định cư thuộc xã Zuôi và xã Tà Pơ thuộc huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam. Dựa trên tư liệu điền dã dân tộc học trong các năm 2006, 2011 và 2017 tại địa bàn nghiên cứu, bài viết mong muốn làm rõ những biến đổi trong hoạt động trồng trọt của người Cơ-tu tại các thôn tái định cư của thủy điện Sông Bung 4, qua đó chỉ ra những nguyên nhân cơ bản dẫn đến biến đổi và một số khuyến nghị, giải pháp cần được quan tâm trong thời gian tới.

### 1. Địa bàn nghiên cứu

Dự án thủy điện Sông Bung 4 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 465/TTg-CN ngày 21/4/2005, với tổng mức đầu tư 5.457,70 tỷ đồng. Trong đó, kinh phí dành cho bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là 1.224,80 tỷ đồng. Thủy điện Sông Bung 4 được xây dựng đồng nghĩa với việc người Cơ-tu ở 4 thôn của xã Zuôi và xã Tà Pơ bắt đầu phải di cư vào năm 2010, bao gồm: Thôn 2, Pa Dhy, Pa Rum A, Pa Rum B (hiện nay thôn Pa Rum A và thôn Pa Rum B sát nhập thành thôn Pa Rum). Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc ổn định đời sống cho các hộ dân bị giải tỏa khi xây dựng dự án thủy điện Sông Bung 4, Tổng công ty điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn điện lực Việt Nam) phối hợp với Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Nam Giang đầu tư xây dựng 04 khu tái định cư tập trung. Công tác tái định cư được thực hiện hoàn thành vào năm 2013 với tổng số hộ tái định cư tập trung và bị ảnh hưởng là 280 hộ/1.188 nhân khẩu; trong đó hộ tái định cư di chuyển đến là 253 hộ/1.041 khẩu (tái định cư tập trung 232 hộ/963 khẩu, di chuyển tự nguyện 21 hộ/78 khẩu) và 27 hộ bị ảnh hưởng với 147 nhân khẩu.

Khu tái định cư tập trung của xã Tà Pơ nằm cách trung tâm xã 30 km và trung tâm huyện lỵ 50 km về phía tây. Khu tái định cư tập trung xã Zuôi nằm cách trung tâm huyện lỵ 58 km theo hướng tây bắc. Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các khu tái định cư được xây dựng khá đồng bộ. Kết quả thống kê năm 2017 cho thấy, tổng số dân tái định cư được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 175 hộ, chiếm 61,9%; được sử dụng điện lưới quốc gia và các dịch vụ phúc lợi khác là 280 hộ, chiếm 100%; có 10 công trình thủy lợi tưới 24,85 ha; 05 công trình nước sạch; mạng lưới giao thông dài tổng cộng 21,84 km. Các dịch vụ y tế, giáo dục, điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng được đầu tư xây dựng với 05 công trình nhà mẫu giáo, 05 công trình trường tiểu học và trung học cơ sở, 05 công trình nhà văn hóa, 02 trạm y tế đang hoạt

động. Tỷ lệ trẻ em tiêm vắc xin đạt trên 70%, tỷ lệ trẻ em đến trường đạt 98%, tỷ lệ phổ cập giáo dục tiểu học là 98%, tỷ lệ người dân biết chữ khoảng 70%. Trong tổng số 317 hộ/1.260 khẩu khu tái định cư thì có 660 lao động, trong đó chưa có lao động nào được đào tạo nghề. Tỷ lệ hộ nghèo của khu tái định cư chiếm hơn 55%, thu nhập bình quân đầu người là 9,31 triệu đồng/người/năm (UBND huyện Nam Giang, 2017).

Trước khi tái định cư, người Cơ-tu ở các thôn này sinh sống ở thung lũng ven sông Bung với các hoạt động sinh kế như trồng trọt, chăn nuôi, khai thác tự nhiên,... Trong đó, canh tác nương rẫy là hoạt động sinh kế chủ đạo. Sau tái định cư, mặc dù các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp như trao đổi, buôn bán, làm thuê, du lịch, dịch vụ bảo vệ rừng... được xuất hiện và tăng cường nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn đem lại nguồn thu nhập chính cho các hộ gia đình. Năm 2017, tính cả khu tái định cư, ngô và đậu các loại có diện tích lớn nhất với 472,95 ha/170 hộ, lúa rẫy: 380,15 ha/310 hộ, sắn: 20,34 ha/116 hộ,... Về chăn nuôi, tổng đàn trâu là 34 con, bò 67 con, lợn 120 con. Có 16 hộ kinh doanh cá thể (UBND huyện Nam Giang, 2017).

## **2. Một số biến đổi trong hoạt động trồng trọt**

### **2.1. Biến đổi về cơ cấu cây trồng**

Trước tái định cư, ruộng nước ở các thôn nằm rải rác, nhỏ lẻ ở chân đồi và gần nhánh sông, suối. Có rất ít hộ gia đình trồng lúa nước được hai vụ/năm vì hệ thống tưới tiêu chủ yếu dựa vào nước mưa hoặc nước được lấy từ các suối, khe (qua các mương đất hay ống tre chảy về ruộng). Giống lúa nước địa phương có khả năng chống chịu với sâu bệnh rất cao, do đó ít khi bị mất mùa. Thời kỳ này, người dân không có thói quen dùng phân bón hóa học hoặc phân chuồng. Thống kê về diện tích ruộng nước của các thôn năm 2007 (trước tái định cư) cho thấy, 7 hộ ở Thôn 2 có tổng số 2,45 ha, 10 hộ ở thôn Pa Rum A có tổng số 3,6 ha; 15 hộ ở thôn Pa Rum B có 2,43 ha, 6 hộ ở thôn PaDhy có 0,5 ha (Asian Development Bank, Electricity of Viet Nam, 2007). Tuy nhiên, khi đến khu tái định cư mới, các thôn PaDhy, Pa Rum A và Pa Rum B không có ruộng nước. Chỉ có Thôn 2 là mỗi hộ được cấp 500 m<sup>2</sup> ruộng nước nhưng không có nước nên bà con sử dụng để trồng keo lai.

Kể từ khi tái định cư, bên cạnh xu hướng suy giảm diện tích lúa nước thì sự xuất hiện của các loại cây hàng hóa đã khiến cơ cấu cây trồng của người Cơ-tu ngày càng có sự đa dạng. Nhờ sự hỗ trợ từ các chương trình, dự án của Nhà nước và các tổ chức quốc tế, người dân đã chuyển một phần diện tích cây trồng truyền thống sang các loại cây hàng hóa để phù hợp với điều kiện tự nhiên nơi ở mới và đáp ứng nhu cầu của thị trường, như keo lai, chuối, bưởi, bơ, cam Vinh,... Người dân bắt đầu trồng keo lai vào năm 2015 với chu kỳ canh tác khoảng 5 năm, không ít hộ cần tiền đã bán keo non khi cây mới được 3 - 4 năm. Hiện nay, cây trồng này nhanh chóng được mở rộng diện tích do thuận lợi về thị trường tiêu thụ (thương lái mang xe ô tô tới tận nơi thu mua), cây không kén đất và kỹ thuật canh tác đơn giản. Tuy nhiên, do ở vùng sâu, vùng xa, công khai thác và vận chuyển lớn nên sau khi trừ các chi phí thì thu nhập từ keo mang lại không lớn, chỉ dao động từ 15-20 triệu đồng/ha.

Một số loại cây trồng khác cũng đang dần trở thành cây hàng hóa như vùng đen, đậu đen, đậu đỏ và đậu trắng, nhất là ở các thôn Pa Rum, Pa Dhy. Với các loại cây trồng này, do vẫn sử dụng được các giống địa phương và phương pháp canh tác được tập huấn không khác nhiều so với kỹ thuật truyền thống nên bà con dễ dàng áp dụng và nhanh chóng mở rộng diện tích. Do có chất lượng tốt, thương lái đến tận thôn để thu mua các loại đậu của người dân với giá khoảng 20.000 - 25.000 đồng/kg, đem lại thu nhập trung bình cho mỗi hộ gia đình khoảng vài ba triệu đồng mỗi vụ. Một số hộ do có vốn đầu tư và diện tích canh tác lớn nên có thu nhập khá cao, trên dưới 20 triệu đồng mỗi năm từ loại cây trồng này. Chuối giống mới cũng được người dân từng bước mở rộng diện tích canh tác do phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và có chất lượng tốt, được thị trường ưa chuộng. Các thương lái đến tận thôn mua loại quả này với giá 4.000 đồng/kg hoặc người trồng có thể tiêu thụ ở các phiên chợ trong huyện, đem lại nguồn thu nhập thường xuyên cho các hộ gia đình.

Bên cạnh đó, để khắc phục những khó khăn ban đầu về hoạt động trồng trọt ở khu tái định cư, nhiều hộ gia đình người Cơ-tu còn sử dụng tiền đền bù để mua các loại cây giống mới khác như lòn bon, bưởi, măng Bát Độ... nhằm đáp ứng nhu cầu của gia đình và bán ra thị trường. Lòn bon trước đây là giống cây mọc nhiều trong rừng, nay người dân đã mua lòn bon giống Thái Lan về trồng ở trong vườn nhà. Cây măng Bát độ được người dân khu tái định cư bắt đầu trồng vào khoảng năm 2015 ở một vài hộ. Sau khi thấy được giá (5.000 - 10.000 đồng/kg), ăn ngon và dễ trồng nên được người dân nhân giống và mở rộng diện tích.

Việc phát triển một số loại cây công nghiệp, cây ăn quả trong thời gian qua đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện thu nhập cho người dân. Tuy nhiên, đầu ra cho nông sản hàng hóa vẫn đang là vấn đề rất cần được quan tâm. Đáng lưu ý là chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa doanh nghiệp và người sản xuất, doanh nghiệp chưa đứng ra ký kết bao tiêu sản phẩm mà việc tiêu thụ chủ yếu thông qua thương lái. Do đó, người nông dân luôn chịu thiệt thòi, chưa thực sự yên tâm sản xuất bởi tình trạng giá cả bấp bênh, bị tư thương ép giá.

## **2.2. Biến đổi về kỹ thuật canh tác**

Trước khi tái định cư, trên đất nương rẫy, người Cơ-tu ở địa bàn khảo sát thường trồng lúa, ngô, các loại rau đậu trong năm thứ nhất và năm thứ hai, sang năm thứ ba thì trồng sắn. Sau đó, đất được bỏ hóa một vài năm cho phục hồi dinh dưỡng. Nước tưới cho cây trồng hoàn toàn phụ thuộc vào nguồn nước mưa, không bón phân nên năng suất cây trồng không cao, chỉ đủ để đáp ứng nhu cầu gia đình, chưa có sản phẩm hàng hóa. Khi đến khu tái định cư, người Cơ-tu vẫn tiếp tục canh tác nương rẫy. Tuy nhiên, thay vì tự do phát đốt như trước kia, mỗi hộ được cấp 1,5 ha đất rẫy để trồng trọt. Do chất lượng đất kém nên để đảm bảo lương thực cho gia đình, bà con đã tự khai phá thêm đất canh tác ở những khu rừng tre, nứa hoặc cây bụi, rừng nghèo,...

Từ các chương trình phục hồi sinh kế của Nhà nước và các tổ chức quốc tế, người Cơ-tu ở khu tái định cư đã được cấp giống cây trồng, vật nuôi mới và tham gia các khóa tập

huấn kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp, từ đó làm thay đổi phương thức canh tác. Bên cạnh tri thức địa phương, họ đã có cơ hội tiếp cận với những tiến bộ kỹ thuật trong hoạt động trồng trọt, cải thiện năng suất và sản lượng cây trồng.

Keo có thể trồng trên đất rẫy bạc màu, không tốn quá nhiều công chăm sóc như các loại cây trồng khác nên nhanh chóng được mở rộng diện tích. Người dân chỉ cần làm cỏ trong những năm đầu, sau đó phát dây leo để cây phát triển tự nhiên đến khi thu hoạch. Cũng như nhiều địa bàn trên cả nước, keo lai đang được coi là một trong những cây trồng chủ lực trong xóa đói giảm nghèo của người Cơ-tu ở khu tái định cư. Tuy nhiên, theo tính toán trên thực tế, sau khi trừ các chi phí đầu tư, nhất là công chăm sóc và khai thác thì giá trị kinh tế của loại cây trồng này không cao. Ngoài ra, đất sau khi trồng cây keo sẽ bị bạc màu, khô cứng, khó trồng được các loại cây khác.

Bên cạnh giống ngô lai, người Cơ-tu vẫn trồng giống ngô truyền thống để đáp ứng nhu cầu sử dụng của gia đình. Ngô giống cũ cho năng suất thấp nhưng hộ gia đình nào cũng dành một phần diện tích nhất định để canh tác do chất lượng ngon hơn, phù hợp khẩu vị và kỹ thuật chăm sóc đơn giản, không phải sử dụng phân bón. Với cây ngô lai, do được tập huấn, bà con đã từng bước làm quen với với kỹ thuật canh tác mới như làm đất, mật độ gieo hạt, cách phòng trừ sâu bệnh, thời điểm thu hoạch,... So với giống địa phương, cây ngô lai đòi hỏi nhiều công sức, chi phí đầu tư hơn nhưng đem lại năng suất cao hơn đáng kể.

Đối với các loại cây ăn quả trồng trong vườn nhà và trên rẫy, người Cơ-tu cũng đã bắt đầu áp dụng những kỹ thuật mới trong quá trình trồng, chăm sóc và thu hoạch để cải thiện chất lượng, tăng năng suất cây trồng và đáp ứng nhu cầu của thị trường. Nhằm phục hồi sinh kế ở thôn Pa Rum, có 08 hộ đã được cấp giống và tập huấn kỹ thuật trồng bưởi da xanh (100 cây giống/hộ), 06 hộ được cấp giống và tập huấn kỹ thuật trồng cây bơ (100 cây giống/hộ), 03 hộ được cấp giống và tập huấn kỹ thuật trồng cam Vinh để làm mô hình thử nghiệm (phòng vấn sâu cán bộ thôn, 40 tuổi, thôn Pa Rum).

Nhờ sự chỉ đạo, hỗ trợ của chính quyền địa phương và nhất là cán bộ của Trung tâm khuyến nông, các hoạt động trồng trọt của người dân ngày càng diễn ra đúng thời vụ, do đó giảm được rủi ro về bệnh dịch, mất mùa đem lại. Tuy nhiên, mức độ áp dụng các kiến thức được tập huấn trong hoạt động trồng trọt có sự khác nhau giữa các hộ gia đình. Ở nhiều nơi, đất có độ dốc lớn, dễ bị rửa trôi nên nhiều gia đình không sử dụng phân bón khiến cho năng suất không cao. Một số hộ khác, mặc dù được trợ cấp miễn phí phân bón nhưng không sử dụng do vẫn duy trì tập quán canh tác truyền thống hoặc do sợ ảnh hưởng đến chất lượng nông sản và nguồn nước sinh hoạt. Họ lý giải: “Ngô mình trồng để ăn nên không phun thuốc trừ sâu và bón phân. Nếu sử dụng những thứ đó thì khi trời mưa xuống sẽ ngấm hết vào khe Tur, khe Zuôi, là 2 khe mà dân bản lấy nước về ăn. Cá ở các khe suối đó ăn phải, rồi mình bắt cá về ăn cũng không tốt cho sức khỏe” (Phòng vấn sâu, nữ, 39 tuổi) (Đặng Minh Ngọc, 2020).

### **3. Một số nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi trong hoạt động trồng trọt**

#### **3.1. Sự cải thiện cơ sở hạ tầng**

Trước tái định cư, địa bàn cư trú của người dân thường ở xa các chợ huyện, chợ vùng, giao thông đi lại khó khăn, nhất là vào mùa mưa. Nơi ở cũ, xã Zuôi cách chợ huyện 60 km. Mùa khô đi bộ mất 1,5 - 2 giờ, còn mùa mưa thì có thể lên tới hơn 3 giờ mới đi được từ trung tâm xã ra đến đường quốc lộ, sau đó mới bắt xe khách để ra trung tâm huyện. Mỗi thôn chỉ có 1-2 hộ khá giả nhất là có phương tiện xe máy, còn lại phần lớn người dân chỉ đi bộ đến chợ trung tâm ở xã Cha Val để trao đổi, mua bán hàng hóa. Do đi lại khó khăn nên họ chỉ đi chợ vào dịp giáp tết hoặc khi gia đình có công việc lớn, cần sắm sửa nhiều. Chỉ có một vài cửa hàng tạp hóa được mở ở trung tâm xã do người Kinh làm chủ. Họ bán các mặt hàng thiết yếu như dầu, đường, muối, mì chính, bột giặt, giày dép, quần áo công cụ lao động sản xuất... với giá thường cao hơn so với ở chợ huyện, đồng thời mua lại nông sản cho bà con. Ngoài bán cho các đại lý của người Kinh, nông sản làm ra còn được bán cho các tư thương đến tận nơi thu mua với giá thấp hơn đáng kể so với thị trường.

Hiện nay, sự phát triển của cơ sở hạ tầng ở các khu tái định cư đã giúp người dân từng bước tìm được đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp. Do giao thông thuận lợi, gần các chợ lớn như chợ ChaVal, chợ Thạnh Mỹ nên giá cả đầu ra của nông sản đã được cải thiện đáng kể. Khi có tiền đền bù, để có phương tiện đi lại và chở hàng hóa, hầu hết các hộ gia đình đều mua xe máy. Trước tái định cư, vì không có phương tiện chở hàng, đậu tương sau khi được thu hoạch phải chờ tư thương đến thu mua tận nơi với giá chỉ từ 7000 - 10.000 đồng/kg, nay người dân có thể đem đến chợ bán trực tiếp với giá 20.000 - 25.000 đồng/kg, hạn chế tình trạng bị tư thương ép giá, đem lại thu nhập ổn định. Điều này trở thành yếu tố thúc đẩy các gia đình mở rộng diện tích cây trồng. Tiếp đó phải kể đến việc được sử dụng hệ thống điện lưới quốc gia và sự phát triển của các phương tiện thông tin liên lạc, trong đó có hệ thống internet ở nơi tái định cư. Xã Zuôi ở thời điểm trước năm 2006 chưa có điện lưới quốc gia và cũng không có sóng điện thoại. Cả xã chỉ có một trạm phát sóng tín hiệu điện thoại ở bưu điện xã và chỉ gọi được điện thoại vào thời điểm 11h tới 15h hàng ngày khi thời tiết thuận lợi. Do đó, việc người dân tiếp cận thông tin về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi mới, cơ hội sinh kế mới hay về gương sản xuất giỏi từ những kênh truyền thông khá hạn chế (Đặng Minh Ngọc 2020, tr. 92).

Kể từ khi tái định cư, điện lưới quốc gia được kéo đến từng hộ gia đình, mỗi hộ đều sắm những chiếc tivi màu, đài cassette. Ngoài đáp ứng nhu cầu giải trí, những thiết bị này đã giúp người dân tiếp thu, cập nhật được nhiều thông tin từ các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, qua đó, từng bước cập nhật những kiến thức mới về trồng trọt và chăn nuôi. Qua những mô hình sản xuất giỏi trên các phương tiện truyền thông, họ bắt đầu tìm kiếm những cây trồng có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương và được thị trường ưa chuộng để thử nghiệm trên nương rẫy của mình.

Ngoài ra, với việc phủ sóng điện thoại và mạng internet, hầu hết các hộ gia đình đều đã có người sử dụng điện thoại thông minh. Qua đó, người dân, nhất là giới trẻ có thể tìm kiếm thông tin về các sản phẩm nông nghiệp, kỹ thuật canh tác, giá cả, nhu cầu của thị trường, cũng như các cơ hội phát triển kinh tế hộ gia đình. Đây là một kênh thông tin rất được giới trẻ ưa thích và tận dụng một cách hiệu quả trong việc tìm kiếm những mô hình sản xuất nông nghiệp phù hợp cho gia đình cũng như cộng đồng.

### **3.2. Sự tham gia vào nền kinh tế thị trường**

Trước tái định cư, các sản phẩm của người dân làm ra từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi và khai thác tự nhiên chỉ để phục vụ nhu cầu hàng ngày của gia đình. Hiện nay, với việc tiếp cận thị trường, người dân đã tham gia thường xuyên các phiên chợ để trao đổi, mua bán. Qua việc nắm bắt nhu cầu của thị trường đối với sản phẩm nông nghiệp, một số loại cây hàng hóa đã xuất hiện trong cơ cấu cây trồng. Thôn nào cũng có vài ba cửa hàng tạp hóa, sẵn sàng thu gom các nông sản, lâm sản của bà con, tuy có thấp hơn giá ở các chợ trung tâm nhưng vẫn là địa chỉ tiêu thụ được nhiều hộ gia đình lựa chọn do không mất công đi lại và cũng là một hình thức để trừ nợ tiền hàng đã mua chịu từ trước đó.

Ngoài việc mua bán ở các hàng tạp hóa ngay trong thôn thì một hình thức mua bán khác cũng khá phổ biến, đó là “chợ di động”. Những thương lái người Kinh mang rau, củ, quả, thịt cá đến các thôn tái định cư để bán cho người dân với giá cao hơn ở các chợ trung tâm, đồng thời mua lại các mặt hàng nông sản của người dân với giá rẻ hơn thị trường để bán lại cho thị trường. Có thể nói, sự tham gia vào nền kinh tế thị trường đã giúp bà con từng bước xóa bỏ nền kinh tế tự cấp, tự túc, mở rộng đầu tư các mô hình cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường và góp phần cải thiện thu nhập cho gia đình.

### **3.3. Sự hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức quốc tế**

Hoạt động trồng trọt của người Cơ-tu ở khu tái định cư thủy điện Sông Bung 4 chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi các chính sách hỗ trợ phục hồi sinh kế sau tái định cư của Nhà nước và các tổ chức quốc tế. Chính quyền địa phương các cấp đã lồng ghép một số chương trình, dự án như Chương trình 135, chương trình Mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, chương trình Mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo, chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới... ở các khu tái định cư, qua đó hoạt động sinh kế nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng từng bước được cải thiện, góp phần ổn định đời sống người dân. Nếu như trước đây, việc học hỏi kỹ thuật sản xuất của đồng bào chủ yếu dựa vào những tri thức, kinh nghiệm của bản thân hoặc học hỏi được từ người thân, cộng đồng, thì hiện nay nhờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước và các tổ chức quốc tế, những tiến bộ của khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp đã được bà con từng bước làm quen và ứng dụng, qua đó tri thức địa phương đã được kết hợp với tri thức khoa học, góp phần tăng năng suất cây trồng.

Nghị quyết 03-NQ/HU của huyện ủy Nam Giang có chính sách đầu tư hỗ trợ người dân tập trung vào việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng “3 cây, 3 con” chủ

lực (cao su, keo, chuối và bò, dê, heo). Xác định việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi là tiền đề quan trọng giúp địa phương tạo nên bước ngoặt để hình thành phương thức sản xuất mới cho đồng bào miền núi, những năm qua huyện Nam Giang đã mạnh dạn tập trung nhân rộng mô hình “3 cây, 3 con” để phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp, xây dựng và hình thành các vùng chuyên canh sản xuất theo hướng hàng hóa; đẩy mạnh việc khai thác lợi thế và tiềm năng của vùng. Ông Chờ Rum Nhiên - Bí thư huyện ủy Nam Giang cho rằng, địa phương vốn có thế mạnh về nông nghiệp và kinh tế rừng, do vậy việc tập trung giảm nghèo bằng mô hình “3 cây, 3 con” hoàn toàn phù hợp với tiến trình phát triển chung của huyện. Ông cũng cho biết: “Bằng cách hỗ trợ 12 xã, thị trấn, mỗi địa phương 200 triệu đồng/năm để đầu tư cho việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi, huyện đang hướng đến việc hình thành các sản phẩm nông nghiệp sạch từ các vụ mùa sản xuất thâm canh, phục vụ nhu cầu của người dân địa phương”. Nghị quyết hỗ trợ người dân hình thành các vùng chuyên canh sản xuất theo hướng hàng hóa đã tạo bước đột phá về phát triển ngành nông nghiệp, từng bước nâng cao chất lượng, tăng năng suất, cũng như đảm bảo giá trị sản xuất nông nghiệp theo từng năm (A Lăng Ngược, 2021).

Từ chính sách này, các hoạt động hỗ trợ đã được chính quyền triển khai ở xã Zuôi h như cấp giống cây trồng, vật nuôi mới (keo lai, chuối, bò giống) để hộ phục hồi kinh tế hộ gia đình. Trong những năm 2013, 2014 và 2015, nguồn ngân sách của huyện Nam Giang đã hỗ trợ các loại cây, con giống cho các hộ tái định cư ở xã Zuôi h, tương đương mỗi năm 200 triệu đồng. Trong đó, năm 2013 đã cấp 94.000 cây keo lai giống với số tiền 94.000.000 đồng, 1.000 gốc chuối với số tiền 24.000.000 đồng, 4 con bò giống với số tiền 80.000.000 đồng; năm 2014 đã cấp 11 con bò giống với số tiền 200.000.000 đồng; năm 2015 đã cấp 11 con bò giống với số tiền 200.000.000 đồng (UBND xã Zuôi h, 2015). Sự hỗ trợ này đã có tác động mạnh mẽ tới việc chuyển đổi giống cây trồng và vật nuôi nhằm cải thiện đời sống của các hộ gia đình. Ngoài ra, các hộ gia đình thuộc diện tái định cư còn được hưởng chính sách hỗ trợ đời sống và sản xuất, cụ thể: mỗi người được hỗ trợ 1 năm lương thực, 6 tháng thực phẩm, 2 năm giống cây trồng, 2 năm phân bón (2 triệu đồng/ha), một lần cho chăn nuôi (2 triệu đồng/hộ) (Đoàn Tranh, 2011).

Trước tái định cư, Phòng Dân tộc, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Nam Giang cũng đã tổ chức tập huấn hướng dẫn bà con trồng những giống cây mới như lúa nước, ngô lai, sắn cao sản và một số loại cây ăn quả như quế, cam, quýt, xoài, chôm chôm,... Tuy nhiên, thành phần tham gia tập huấn hầu như chỉ có nam giới. Phụ nữ Cơ-tu nghĩ rằng nam giới hiểu biết hơn mình và việc tham gia các buổi họp ngoài xã hội chỉ dành cho nam giới. Với ý nghĩ đó, phụ nữ ít tham gia vào các khóa tập huấn kỹ thuật sản xuất, mặc dù ở nhiều gia đình, nữ giới là lao động chính. Quan niệm này đã khiến không ít hộ gia đình bị hạn chế trong việc tiếp cận thông tin, cơ hội học hỏi, nâng cao kiến thức để phát triển kinh tế. Sau khi ổn định tái định cư, nhờ có các chương trình tập huấn thường xuyên với sự hỗ trợ của chuyên gia về giới, về dân tộc thiểu số của ADB và một số tổ chức quốc tế, quan niệm truyền thống của phụ nữ Cơ-tu ở thủy điện Sông Bung 4 đã phần nào thay đổi. Họ tham gia

các khóa tập huấn về khuyến nông nhiều hơn với ý nghĩ “Muốn cải thiện kinh tế gia đình thì phải cải thiện kiến thức về trồng trọt và chăn nuôi, vì thế phải tham gia nhiều hơn vào các khóa tập huấn” (phỏng vấn sâu, nữ, 40 tuổi, 2020).

Để có được những biến đổi tích cực trong hoạt động trồng trọt, cần ghi nhận sự vào cuộc hiệu quả của cả hệ thống chính trị từ cấp huyện, xã và thôn. Hội Phụ nữ hỗ trợ các gia đình nghèo tiếp cận nguồn vốn vay của Ngân hàng chính sách xã hội với lãi suất ưu đãi. Hội Nông dân thường xuyên vận động hội viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về khoa học kỹ thuật. Thông qua Ngân hàng chính sách xã hội, không ít hộ gia đình gặp khó khăn về vốn trong sản xuất nông nghiệp đã được vay với định mức 25 - 50 triệu đồng/hộ với mức lãi suất ưu đãi, thời hạn vay trong vòng 5 năm để đầu tư phát triển sản xuất. Nhờ có nguồn vốn vay này mà một số hộ gia đình mới có cơ hội đầu tư trồng các loại cây hàng hóa, nhất là cây keo lai để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống.

Trong số những dự án hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, dự án “*Cải thiện sinh kế cho các cộng đồng dân tộc thiểu số dễ bị tổn thương do ảnh hưởng của dự án Thủy điện Sông Bung 4*” do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Quỹ hỗ trợ Phát triển Nhật Bản (JFPR) tài trợ đã có tác động tích cực tới hiệu quả trồng trọt của người dân khu tái định cư. Dự án này đã tổ chức tập huấn và thực hành các mô hình nông nghiệp cho cả nam và nữ tại các thôn thuộc xã Zuôi bị ảnh hưởng bởi dự án thủy điện, trong đó tổng số lượt người tham gia vào các mô hình và các khóa tập huấn về nông nghiệp là 4.855 người với 2.453 nữ, chiếm 50,5% (Tilos, 2016, tr. 14). Không chỉ sử dụng tiếng Co-tu trong quá trình tập huấn, tuyên truyền, tư vấn sinh kế của Dự án còn xuống từng thôn, hướng dẫn trực tiếp cho bà con trên nương rẫy bằng phương pháp “cầm tay chỉ việc”, phù hợp với trình độ của người dân. Do phương pháp tập huấn, phổ biến kiến thức sản xuất nông nghiệp được xây dựng dựa trên những đặc điểm của văn hóa tộc người nên người dân có đầy đủ, chính xác những thông tin cần thiết, từ đó đưa ra quyết định lựa chọn cây trồng và vật nuôi phù hợp với tập quán và đáp ứng nhu cầu thị trường. Đây chính là một trong những yếu tố góp phần quan trọng vào sự thành công của một số mô hình cây trồng, vật nuôi mới của người Co-tu vùng tái định cư.

#### **4. Kết luận và khuyến nghị**

Trước tái định cư, trồng trọt của người Co-tu ở thủy điện Sông Bung 4 bao gồm canh tác ruộng nước và canh tác nương rẫy. Dưới tác động của tái định cư, hoạt động trồng trọt đã có những biến đổi, trong đó đáng lưu ý là sự suy giảm đáng kể hoặc mất hẳn diện tích ruộng nước. Trong canh tác nương rẫy, bên cạnh việc thu hẹp diện tích canh tác và chất lượng đất kém hơn nơi ở cũ thì sự xuất hiện của một số loại cây hàng hóa đã góp phần quan trọng trong việc cải thiện thu nhập, mở ra những hướng đi mới trong hoạt động trồng trọt của người dân. Khi đến nơi tái định cư, một số tập quán trồng trọt truyền thống đã buộc phải thay đổi để thích nghi với môi trường tự nhiên nơi cư trú mới. Bên cạnh tri thức địa phương,

việc tiếp cận kiến thức trồng trọt qua các lớp tập huấn, trên các phương tiện truyền thông, hay qua chiếc điện thoại thông minh đã giúp người dân tăng năng suất, sản lượng trồng trọt.

Bên cạnh các yếu tố tích cực, trồng trọt sau tái định cư của người Cơ-tu cũng đang đặt ra một số vấn đề như: thiếu đất sản xuất, chất lượng đất xấu dẫn tới năng suất cây trồng thấp, sự gia tăng tình trạng phá rừng tre, nứa hoặc cây bụi, rừng nghèo ở chỗ có nước để làm nương rẫy; không còn ruộng nước hoặc có ruộng nhưng diện tích nhỏ hẹp và không có nước để canh tác; sự mai một của nhiều tri thức địa phương có giá trị tích cực trong bảo vệ môi trường; hay vấn đề đầu ra cho một số nông sản hàng hóa, nhất là cây keo lai. Trong bối cảnh các ngành nghề, dịch vụ khác chưa đủ điều kiện để phát triển kinh tế hộ gia đình và giảm nghèo thì phát triển bền vững trồng trọt của người Cơ-tu ở thủy điện Sông Bung 4 vẫn là giải pháp trước mắt cũng như lâu dài. Xuất phát từ thực trạng biến đổi của hoạt động trồng trọt nêu trên, bài viết đưa ra một số khuyến nghị, giải pháp cần được quan tâm trong thời gian tới như sau:

- Tăng cường nghiên cứu thử nghiệm các loại giống cây trồng mới phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu của địa phương, bảo vệ môi trường sinh thái và đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn để chuyển giao khoa học kỹ thuật về trồng trọt, phù hợp với văn hóa và trình độ của người dân, giúp họ từng bước cải thiện năng suất và sản lượng cây trồng.

- Hỗ trợ người dân tìm đầu ra cho các loại cây hàng hóa, tạo cầu nối để đưa nông sản đến tay người tiêu dùng thông qua việc hỗ trợ người dân ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm với các công ty, doanh nghiệp lớn, tránh tình trạng ép giá và thị trường bất ổn.

- Cần có kế hoạch đầu tư khai hoang và xây dựng hệ thống thủy lợi để tăng diện tích lúa nước, áp dụng gieo trồng các loại lúa nước giống mới, thâm canh tăng vụ để đồng bào tự túc được lương thực, giảm tình trạng phá rừng tre, nứa hoặc cây bụi, rừng nghèo ở chỗ có nước để làm nương rẫy.

- Thực hiện tốt hơn nữa chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm, tạo cơ hội việc làm phi nông nghiệp cho người dân, qua đó góp phần giải quyết tình trạng thiếu đất sản xuất và đất sản xuất chất lượng xấu như hiện nay.

Nhìn chung, những chuyển đổi tích cực trong hoạt động trồng trọt của người Cơ-tu ở thủy điện Sông Bung 4 kể từ khi tái định cư tới nay đã cho thấy sự nỗ lực của người dân trong việc thích nghi với bối cảnh mới, đồng thời cũng khẳng định lộ trình đúng hướng của các chương trình, chính sách hỗ trợ tái định cư của Nhà nước và của các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, không ít những thách thức đang đặt ra, đòi hỏi sự tiếp tục quan tâm, vào cuộc của chính quyền, các ban ngành và các tổ chức để người dân phát triển sinh kế và ổn định đời sống.

### Tài liệu tham khảo

1. Asian Development Bank, Electricity of Viet Nam (2007), *TA 4625-VIE- Song Bung 4, Hydro-power project, Phase II, Resettlement and Ethnic Minority Development Plan*, Volume 2: Reservoir Resettlement and Development Plan. Sweco international (July 2007), Final Report.
2. Đặng Minh Ngọc (2020), “Ảnh hưởng của yếu tố văn hóa tộc người đến việc thực hiện chương trình tái định cư thủy điện Sông Bung 4”, *Tạp chí Phát triển bền vững vùng*, quyển 10, Số 4, tr. 90-98.
3. A Lăng Ngược (2021), “Giảm nghèo cho Nam Giang”, Báo Quảng Nam trên trang <http://.namgiang.quangnam.gov.vn> (Truy cập ngày 16/9/2021).
4. Tilos, Normal (2016), *Viet Nam: Implementation and Monitoring of Song Bung 4 hydro-power project Resettlement and Ethnic Minority Development Plan*, trên trang <https://www.adb.org/sites/default/files/project-documents/45108/45108-001-tacr-en.pdf> (Truy cập ngày 6/10/2021).
5. Đoàn Tranh (2011), “Sinh kế bền vững cho cộng đồng tái định cư công trình thủy điện ở lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn tỉnh Quảng Nam: Thực trạng và giải pháp”, trong: Trần Văn Hà (Chủ biên), *Nghiên cứu tái định cư thủy điện ở Việt Nam thời kỳ Đổi mới*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
6. UBND xã Zuôi (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 03-NQ/HU của Huyện ủy ngày 07/12/2011 về chuyển đổi cơ cấu cây trồng, con vật nuôi tại địa bàn xã Zuôi*, lưu tại Văn phòng UBND xã Zuôi.
7. UBND huyện Nam Giang (2017), *Báo cáo tình hình đời sống - sản xuất của người dân trong vùng tái định cư thủy điện Sông Bung 4*, Tài liệu lưu tại Văn phòng UBND huyện Nam Giang.